

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021

V/v: Ly hôn giữa bà S và ông Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Qui**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Văn**

2. Ông **Hoàng Xuân Ty**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Chung** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Đường M, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Phường N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trọng Q**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đường M, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trọng Q kết hôn ngày 18/4/2014 tại Ủy ban nhân dân UBND Phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q thường xuyên đi nhậu đến khuya mới về nhà, bỏ bê không chăm lo cho con và gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông Q không thay đổi dẫn đến gia đình ngày càng mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, ông Q không chia sẻ công việc gia đình và chăm lo con cái cùng bà. Mọi việc chi tiêu trong gia đình do mình bà lo, ông Q không phụ giúp, đi làm không đưa tiền về để cùng bà lo các khoản sinh hoạt trong gia đình. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, sống không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng không có

cách hàn gắn, khắc phục. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 05 năm 2020 đến nay, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm của bà dành cho ông Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tuệ L, sinh ngày 14/3/2015. Hiện con đang ở với bà, khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con, bà đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Trọng Q và triệu tập ông Q đến Tòa án làm việc nhưng ông Q vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 31/12/2020 ông trình bày ông không muốn ly hôn với bà Nguyễn Thị S, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà S được ly hôn với ông Q là có cơ sở chấp nhận; về con chung: giao 01 con chung Nguyễn Ngọc Tuệ L, sinh ngày 14/3/2015 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, bà S đủ khả năng nuôi con không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung, nợ riêng đương sự khai không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bị đơn ông Nguyễn Trọng Q vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Trọng Q hiện cư trú tại Đường M, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Trọng Q kết hôn vào ngày 18/4/2014 tại UBND Phường 2, thành phố Bảo Lộc, hôn nhân tự nguyện tiến bộ, không ai bị ép buộc. Vợ chồng bà S, ông Q chung sống hạnh phúc được 01

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, theo bà S là ông Q thường xuyên đi nhậu, bỏ bê công việc gia đình, không chăm lo con cái, mọi việc trong nhà do một mình bà S lo, ông Q đi làm không đưa tiền về để phụ bà chăm lo cho con. Bà S đã khuyên rất nhiều lần nhưng ông Q không thay đổi, thường xuyên đi nhậu nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau, vợ chồng sống chung không có hạnh phúc. Bà S và ông Q đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập ông Q để làm việc nhưng ông Q vắng mặt và có đơn đề nghị xin vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bà S và ông Q đều có đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Qua xác minh tại địa phương, xác định vợ chồng bà S, ông Q có mâu thuẫn nguyên nhân do ông Q thường xuyên uống rượu, ham chơi không quan tâm đến gia đình, hiện nay bà S đã chuyển về nhà mẹ để sống, ông Q bà S không chung sống cùng nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà S và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ và hợp pháp.

[4]. Về nuôi con chung: Ông Q và bà S có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tuệ L, sinh ngày 14/3/2015, bà S có nguyện vọng nuôi con, hiện cháu L đang sống cùng bà S, nên giao cháu L cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Bà S không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6]. Về nợ chung, nợ riêng: Đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Trọng Q.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Ngọc Tuệ L, sinh ngày 14/3/2015 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà S đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018678 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- + Các đương sự (2);
- + VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- + T.H.A Bảo Lộc (1);
- + TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- + UBND Phường 2; TP. Bảo Lộc (1);
- + Lưu (2).

Trần Thị Qui.